

BIỂU GIẢI TRÌNH CÁC NỘI DUNG XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Một số chính sách phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2025 và những năm tiếp theo

(Kèm theo Công văn số /SKHCN-KHTC, ngày tháng 8 năm 2022 của Sở Khoa học và Công nghệ)

TT	Nội dung	Điều chỉnh, bổ sung tại Nghị quyết mới	sGiải trình
I	Nghị quyết số 91/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo		
1	<i>Nội dung bãi bỏ không tiếp tục thực hiện</i>		
1.1	Điểm d khoản 1 Điều 2: Xây dựng, đầu tư cơ sở hạ tầng - kỹ thuật của các cơ sở ươm tạo, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp; cung cấp thiết bị dùng chung cho các tổ chức, cá nhân khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tối đa không quá 500 triệu đồng/đơn vị.		Trong quá trình thực hiện chính sách giai đoạn 2018-2021 không phát sinh hồ sơ đề nghị hỗ trợ nội dung này. Hiện nay tỉnh cũng đã hình thành được 02 Khu không gian làm việc chung hỗ trợ các ý tưởng dự án khởi nghiệp sáng tạo: (1) thành lập Khu không gian làm việc chung hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo gắn với Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến tỉnh Hà Tĩnh – Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KHCN tỉnh gắn với hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo và ứng dụng, chuyển giao các công nghệ thiết bị mới vào sản xuất kinh doanh; (2) Khu không gian làm việc chung CED - Công ty CP CED

			Central thành lập nhằm hỗ trợ các ý tưởng, dự án khởi nghiệp sáng tạo hoàn thiện dự án, thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp.
1.2	<p>Điểm a, b, c, đ khoản 3 Điều 2:</p> <p>a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng thực hiện các nội dung sau: Tư vấn thủ tục chuyển giao, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; xây dựng và thực hiện chính sách, chiến lược hoạt động sở hữu trí tuệ cho tổ chức, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, tối đa không quá 50 triệu đồng/tổ chức, cá nhân.</p> <p>b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng thực hiện các nội dung sau: Tư vấn đề tổ chức, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo tự tổ chức đo lường; xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, tối đa không quá 50 triệu đồng/tổ chức, cá nhân và không quá 01 lần trên năm;</p> <p>c) Hỗ trợ 50% kinh phí đào tạo chuyên sâu cho các tổ chức, cá nhân khởi nghiệp đổi mới sáng tạo về các nội dung sau: Thuê chuyên gia và sử dụng các dịch vụ đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp sáng tạo, phát triển ý tưởng sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học. Mức tối đa không quá 20 triệu đồng/tổ chức, cá nhân và không quá 01 lần trên năm;</p> <p>đ) Hỗ trợ 50% kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho các tổ chức, cá nhân khởi nghiệp đổi mới sáng</p>		Không phát sinh đối tượng đề nghị hỗ trợ. Các chính sách hỗ trợ này thực hiện theo Mục 2 Chương IV Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó nguồn kinh phí do trung ương bố trí thực hiện.

	“tạo, tối đa không quá 200 triệu đồng/sản phẩm;”		
1.3	Điểm b khoản 3 Điều 2: Hỗ trợ lập trình phần mềm được Hội đồng khoa học công nghệ chuyên ngành đánh giá góp phần nâng cao năng suất lao động; hiệu quả quản lý, sản xuất kinh doanh, tối đa không quá 150 triệu đồng/phần mềm.”		Không phát sinh đối tượng đề nghị hỗ trợ.
2	Giữ nguyên nội dung như Nghị quyết số 91/2018/NQ-HĐND nhưng đề nghị tăng/giảm mức hỗ trợ và chỉnh sửa một số câu từ		
2.1	<p>Điểm a, b, c khoản 1 Điều 2:</p> <p>“1. Hỗ trợ 100% kinh phí để thực hiện hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, cụ thể:</p> <p>a) Đào tạo, tuyên truyền, tư vấn hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm chi phí thuê chuyên gia trong và ngoài nước); tổ chức các hoạt động kết nối, hợp tác phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh, tối đa không quá 300 triệu đồng/năm;</p> <p>b) Xây dựng và triển khai các chương trình, giáo trình đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các cơ sở giáo dục - đào tạo, các tổ chức thúc đẩy, hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo và thành lập các câu lạc bộ khởi nghiệp sáng tạo, tối đa không quá 50 triệu đồng/đơn vị/năm;</p> <p>c) Xây dựng bản tin về khởi nghiệp sáng tạo; chương trình truyền hình tôn vinh các ý tưởng</p>	<p>Điều 4. Chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực, kiến thức về KH&CN</p> <p>Ngân sách cấp 100% kinh phí triển khai các nội dung: thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, hợp tác, học tập, chia sẻ kinh nghiệm cho các đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 1 Nghị quyết này, tối đa 600 triệu đồng/năm.</p> <p>Điểm a khoản 1 Điều 5: Tổ chức các sự kiện kết nối khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: tổ chức ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh; tham gia ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo vùng, Quốc gia; tổ chức các chương trình kết nối các ý tưởng, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tổ chức các hoạt động kết nối phát triển hệ sinh thái sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh, tối đa 500 triệu đồng/năm.</p>	<p>Tích hợp chính sách 03 Nghị quyết về triển khai các nội dung: thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, hợp tác, học tập, chia sẻ kinh nghiệm cho các đối tượng với nội dung và định mức tối đa 600 triệu đồng/năm. (có dự toán kèm theo)</p> <p>Xây dựng tích hợp các nội dung chính sách hỗ trợ triển khai các hoạt động khởi nghiệp ĐMST (Tổ chức các sự kiện kết nối khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: tổ chức ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh; tham gia ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo vùng, Quốc gia; tổ chức các chương trình kết nối các ý tưởng, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tổ chức các hoạt động kết nối phát triển hệ sinh thái sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh) với định mức chi “không quá</p>

	khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo của tỉnh, tối đa không quá 100 triệu đồng/năm;”		500 triệu đồng/năm.” Định mức triển khai các nội dung chi cụ thể thực hiện theo Khoản 1, 2, 3 Điều 5 Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 của Bộ Tài chính về quản lý tài chính thực hiện Đề án hỗ trợ hệ sinh thái KNDMST quốc gia đến năm 2025 (có dự toán kèm theo)
2.2	Điểm đ khoản 1 Điều 2: Tổ chức Cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Hà Tĩnh (Techfest), tổ chức một lần trên năm, tối đa không quá 300 triệu đồng/năm. Đối với tổ chức, cá nhân tham gia cuộc thi cấp tỉnh trở lên, tối đa không quá 30 triệu đồng/cuộc.	Điểm b khoản 1 Điều 5: Tổ chức cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Hà Tĩnh hàng năm (Techfest HaTinh), tối đa 500 triệu đồng/năm. Trong đó, mức chi giải thưởng cuộc thi như sau: giải nhất 40 triệu đồng/giải; giải nhì 30 triệu đồng/giải; giải ba 20 triệu đồng/giải; giải khuyến khích 08 triệu đồng/giải; giải tiềm năng 03 triệu đồng/giải. Số lượng các giải thưởng thực hiện theo quy định tại thể lệ cuộc thi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Tách riêng 02 chính sách liên quan đến cuộc thi về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Chính sách tổ chức Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Hà Tĩnh và Chính sách hỗ trợ tham gia Cuộc thi cấp tỉnh trở lên: - Đối với Chính sách tổ chức Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Hà Tĩnh: đề xuất tăng mức kinh phí tổ chức cuộc thi từ 300 lên 500 triệu đồng, do tăng kinh phí giải thưởng cuộc thi (kinh phí giải thưởng cuộc thi tăng 100 triệu đồng lên 207 triệu đồng theo cơ cấu giải thưởng), nhằm khuyến khích các ý tưởng, dự án tham gia, phù hợp với thực tế triển khai Cuộc thi về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong cả nước. Định mức tổ chức cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được quy định tại Khoản 4 Điều 5 Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 của

		<p>Điểm b khoản 2 Điều 5: Hỗ trợ kinh phí cho các tác giả, nhóm tác giả đại diện cho tỉnh tham dự cuộc thi khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp vùng, cấp bộ, cấp quốc gia, quốc tế hoặc tương đương với số tiền là: 20 triệu đồng đối với cuộc thi cấp vùng hoặc tương đương; 30 triệu đồng đối với cuộc thi cấp bộ, quốc gia hoặc tương đương; 40 triệu đồng đối với cuộc thi quốc tế hoặc tương đương.</p>	<p>Bộ Tài chính; (có dự toán kèm theo)</p> <p>- Đối với Chính sách hỗ trợ tham gia Cuộc thi cấp tỉnh trở lên: đề xuất các mức hỗ trợ kinh phí tham gia cuộc thi cấp tỉnh trở lên, cụ thể đối với cho các tác giả, nhóm tác giả đại diện cho tỉnh tham dự cuộc thi khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp vùng, cấp bộ, cấp quốc gia, quốc tế hoặc tương đương với số tiền là: 20 triệu đồng đối với cuộc thi cấp vùng hoặc tương đương; 30 triệu đồng đối với cuộc thi cấp bộ, quốc gia hoặc tương đương; 40 triệu đồng đối với cuộc thi quốc tế hoặc tương đương.</p> <p>Định mức và nội dung hỗ trợ được quy định tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 của Bộ Tài chính.</p>
2.3	<p>Điểm e khoản 1 Điều 2: Vận hành, nâng cấp và triển khai các hoạt động của Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị (Sở Khoa học và Công nghệ) và cơ sở ươm tạo ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo (của trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghề... do nhà nước đầu tư xây dựng) để thực hiện các hoạt động hỗ trợ ươm tạo, cung cấp thiết bị dùng chung cho các tổ chức, cá nhân khởi nghiệp đổi mới sáng tạo..., tối đa không quá 150 triệu đồng/đơn vị/năm.</p>	<p>Khoản 5 Điều 7: Duy trì vận hành, nâng cấp và triển khai các hoạt động của Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến tỉnh; triển khai các hoạt động trình diễn kết nối cung - cầu công nghệ, thiết bị và môi giới, tư vấn, cung cấp thông tin về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thị trường KH&CN, doanh nghiệp KH&CN, tối đa 150 triệu đồng/năm.</p>	<p>Giữ nguyên nội dung và định mức hỗ trợ Duy trì vận hành, nâng cấp và triển khai các hoạt động của Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến tỉnh theo Điểm e khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 91/2020/NQ-HĐND.</p> <p>Hỗ trợ kinh phí triển khai hoạt động thường xuyên cho Trung tâm Ứng dụng tiên bộ KH&CN tỉnh để triển khai các hoạt động này, do Trung tâm là tổ chức KHCN công lập tự đảm bảo</p>

			chi thường xuyên. (có dự toán kèm theo)
2.4	Điểm d khoản 2 Điều 2: Miễn phí cho các tổ chức, cá nhân khởi nghiệp đổi mới sáng tạo sử dụng trang thiết bị, cơ sở vật chất, khu làm việc chung tại Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị tỉnh - Sở Khoa học và Công nghệ và trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghề... (khu làm việc chung của nhà nước đầu tư xây dựng); hỗ trợ 50% kinh phí thuê văn phòng làm việc tại các khu làm việc chung của tư nhân đầu tư xây dựng, tối đa không quá 5 triệu đồng/tháng/tổ chức, cá nhân trong thời hạn hỗ trợ không quá 6 tháng.	Điểm d khoản 2 Điều 5: Hỗ trợ 50% kinh phí thuê mặt bằng, sử dụng trang thiết bị tại cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung nhưng không quá 05 triệu đồng/tháng/cơ sở, thời hạn hỗ trợ tối đa là 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng.	Nội dung và định mức hỗ trợ giữ nguyên, tăng thời gian hỗ trợ từ 6 tháng lên 03 năm để phù hợp với quy định chính sách hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
2.5	Điểm e khoản 2 Điều 2: Hỗ trợ 70% kinh phí đối với các dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được Hội đồng khoa học công nghệ chuyên ngành đánh giá có tính khả thi và hiệu quả cao, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét tài trợ từ ngân sách tỉnh để phát triển, tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án.	Điểm c khoản 2 Điều 5: Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo hình thức triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, tối đa 01 tỷ đồng/dự án.	Giữ nguyên nội dung và định mức hỗ trợ thực hiện dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo Điểm e khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 91/2018/NQ-HĐND. Căn cứ xây dựng nội dung hỗ trợ và định mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 của Bộ Tài chính và quy định triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh theo Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 12/6/2015 và Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh
2.6	Điểm f khoản 2 Điều 2: Hỗ trợ 50% lãi suất vay vốn cho các tổ chức, cá nhân để thực hiện	Điểm a khoản 2 Điều 5: Hỗ trợ 50% lãi suất vốn vay để thực hiện các dự án khởi nghiệp đổi	Đề xuất tăng mức hỗ trợ tối đa từ 100 triệu đồng/dự án lên 200 triệu đồng/dự

	các dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo từ các Quỹ của nhà nước và ngân hàng thương mại, tối đa không quá 100 triệu đồng/dự án.	mới sáng tạo từ các tổ chức tín dụng, tối đa 200 triệu đồng/dự án.	án, nhằm đẩy mạnh hỗ trợ các ý tưởng, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong giải quyết khó khăn về nguồn vốn đầu tư phát triển dự án, đặc biệt là ở giai đoạn đầu của dự án, khi các ý tưởng, dự án khởi nghiệp mới triển khai chưa có doanh thu.
2.7	Điểm a khoản 3 Điều 2: Hỗ trợ 50% kinh phí ứng dụng các công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, kỹ thuật mới của cách mạng công nghiệp 4.0 (bao gồm: Trí tuệ nhân tạo, vạn vật kết nối, dữ liệu lớn, công nghệ robot, phương tiện tự điều khiển, công nghệ in 3D, các vật liệu mới và công nghệ sinh học, công nghệ nano, công nghệ điện toán..) vào sản xuất, kinh doanh, tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án.	Khoản 3 Điều 7: Hỗ trợ 50% kinh phí hợp đồng chuyển giao công nghệ, đầu tư dây chuyền máy móc, thiết bị mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm của cơ sở, tối đa 02 tỷ đồng cho một lần hỗ trợ và không quá 03 lần hỗ trợ cho mỗi cơ sở.	Tích hợp chính sách tại Điểm a Khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 91/2018/NQ-HĐND và Khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 252/2020/NQ-HĐND; Bổ sung số lần hỗ trợ tối đa cho 01 cơ sở thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ, đầu tư dây chuyền máy móc, thiết bị mới tối đa 03 lần/cơ sở.
II	Nghị quyết số 252/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, thị trường KH&CN và doanh nghiệp KH&CN tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025		
1	<i>Nội dung bãi bỏ không tiếp tục thực hiện</i>		
1.1	Điểm b khoản 3 Điều 3: Hỗ trợ nâng cao năng lực về quản lý, vận hành, phát triển thương hiệu cho các tổ chức quản lý, sử dụng nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý, tối đa không quá 30 triệu/năm/tổ chức.		Lồng ghép triển khai chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực về quản lý, vận hành, phát triển thương hiệu cho các tổ chức quản lý, sử dụng nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý trong quá trình triển khai các nhiệm vụ tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu cộng đồng.

1.2	Điểm c khoản 4 Điều 3: Hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu cho cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia thị trường khoa học công nghệ và doanh nghiệp khoa học công nghệ, tối đa không quá 300 triệu đồng/cơ sở.		Không phát sinh đối tượng đề nghị hỗ trợ.
1.3	Khoản 4 Điều 4: Hỗ trợ kinh phí tham gia hội chợ công nghệ thiết bị, hoạt động kết nối cung cầu công nghệ thiết bị, hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm khoa học công nghệ, mức hỗ trợ 100 triệu đồng đối với thực hiện ở trong nước và 200 triệu đồng đối với thực hiện ở nước ngoài cho một lần hỗ trợ.		Không phát sinh đối tượng đề nghị hỗ trợ.
2	<i>Giữ nguyên nội dung như Nghị quyết số 252/2020/NQ-HĐND nhưng đề nghị tăng/giảm mức hỗ trợ và chỉnh sửa một số câu từ</i>		
2.1	Khoản 2 Điều 3: Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp ở nước ngoài: Hỗ trợ 70% phí, lệ phí và chi phí thuê đại diện sở hữu công nghiệp để đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hoặc kiểu dáng công nghiệp, sáng chế/giải pháp hữu ích ở những quốc gia mà doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nhu cầu, nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/một đơn vị.	Khoản 2 Điều 6: Hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nước ngoài cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này: Hỗ trợ 60 triệu đồng/đơn được chấp nhận hợp lệ, các văn bản tương ứng theo quy định của tổ chức quốc tế hoặc quốc gia nộp đơn.	Sửa đổi, bổ sung nội dung và định mức hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp ở nước ngoài cho phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09/09/2021.
2.2	Khoản 1 Điều 2: Tổ chức thực hiện các nội dung đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo truyền; các hoạt động hợp tác, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước về sở hữu trí tuệ, thị trường khoa học công nghệ và doanh nghiệp khoa học công nghệ cho các đối tượng, tối đa	Điều 4. Chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực, kiến thức về KH&CN Ngân sách cấp 100% kinh phí triển khai các nội dung: thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, hợp tác, học tập, chia sẻ kinh nghiệm cho các đối tượng quy định tại	Tích hợp chính sách 03 Nghị quyết về triển khai các nội dung: thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, hợp tác, học tập, chia sẻ kinh nghiệm cho các đối tượng với nội dung và định mức tối đa 600 triệu





	không quá 400 triệu đồng/năm.	khoản 2, Điều 1 Nghị quyết này, không quá 600 triệu đồng/năm.	đồng/năm. (có dự toán kèm theo)
2.3	Khoản 2 Điều 2: Triển khai thực hiện công tác điều tra đánh giá thực trạng, trình độ công nghệ, tốc độ đổi mới công nghệ, xây dựng cơ sở dữ liệu, số hóa dữ liệu phục vụ công tác quản lý, phát triển về sở hữu trí tuệ, thị trường khoa học công nghệ và doanh nghiệp khoa học công nghệ, tối đa không quá 500 triệu đồng/năm.	Khoản 4 Điều 7: Triển khai thực hiện nhiệm vụ đánh giá thực trạng, trình độ công nghệ, tốc độ đổi mới công nghệ, xây dựng cơ sở dữ liệu, số hóa dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thị trường KH&CN, doanh nghiệp KH&CN, tối đa 500 triệu đồng/năm.	Giữ nguyên nội dung và định mức hỗ trợ thực hiện dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 252/2020/NQ-HĐND. Các định mức chi theo Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh
2.4	Khoản 3 Điều 2: Duy trì vận hành, nâng cấp và triển khai các hoạt động của Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến tỉnh; triển khai các hoạt động trình diễn kết nối cung - cầu công nghệ, thiết bị và môi giới, tư vấn, cung cấp thông tin về hoạt động sở hữu trí tuệ, chuyên gia, đổi mới công nghệ, tối đa không quá 150 triệu đồng/năm.”	Khoản 5 Điều 7: Duy trì vận hành, nâng cấp và triển khai các hoạt động của Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến tỉnh; triển khai các hoạt động trình diễn kết nối cung - cầu công nghệ, thiết bị và môi giới, tư vấn, cung cấp thông tin về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thị trường KH&CN, doanh nghiệp KH&CN, tối đa 150 triệu đồng/năm	Giữ nguyên nội dung và định mức hỗ trợ Duy trì vận hành, nâng cấp và triển khai các hoạt động của Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến tỉnh theo Khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 252/2020/NQ-HĐND. Hỗ trợ kinh phí triển khai các hoạt động này cho Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN tỉnh, do Trung tâm là tổ chức KHCN công lập tự đảm bảo chi thường xuyên. (có dự toán kèm theo)
2.5	Khoản 1 Điều 3: 1. Hỗ trợ thiết kế và xác lập quyền sở hữu trí tuệ trong nước: a) Đối với nhãn hiệu:Hỗ trợ tối đa 05 nhãn hiệu/cơ sở với mức hỗ trợ: 10 triệu đồng/01 nhãn hiệu có 1 nhóm bảo hộ; 12 triệu đồng/1 nhãn hiệu có 2 nhóm bảo hộ trở lên;Hỗ trợ kinh phí cho việc thiết kế, in ấn lần đầu bao bì, nhãn mác cho sản phẩm, hàng hóa, tối đa không quá	Khoản 1 Điều 6: 1. Hỗ trợ thiết kế và xác lập quyền sở hữu trí tuệ trong nước a) Đối với nhãn hiệu Hỗ trợ tối đa 05 nhãn hiệu/cơ sở với mức hỗ trợ: chi phí thiết kế 05 triệu đồng/01 nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ 05 triệu đồng/01 nhãn hiệu có 01 nhóm bảo hộ, 07 triệu đồng/01 nhãn hiệu có	Nội dung và định mức hỗ trợ phù hợp với Điểm a Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09/09/2021 của Bộ Tài chính về quy định quản lý tài chính thực hiện chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 Đề xuất bỏ nội dung chính sách “Hỗ trợ kinh phí cho việc thiết kế, in ấn lần đầu bao bì, nhãn mác cho sản phẩm,


	<p>15 triệu đồng/cơ sở hoặc 10 triệu đồng/sản phẩm;</p> <p>b) Đối với kiểu dáng công nghiệp: Hỗ trợ 20 triệu đồng/kiểu dáng công nghiệp;</p> <p>c) Đối với sáng chế/giải pháp hữu ích: hỗ trợ 30 triệu đồng/01 sáng chế/giải pháp hữu ích.”</p>	<p>02 nhóm bảo hộ trở lên. Mỗi năm hỗ trợ tối đa 100 nhãn hiệu.</p> <p>b) Đối với kiểu dáng công nghiệp: Hỗ trợ 20 triệu đồng/kiểu dáng công nghiệp.</p> <p>c) Đối với sáng chế/giải pháp hữu ích: Hỗ trợ 30 triệu đồng/01 sáng chế/giải pháp hữu ích.</p>	<p>hàng hóa, tối đa không quá 15 triệu đồng/cơ sở hoặc 10 triệu đồng/sản phẩm;” do đã có chính sách hỗ trợ nội dung này.</p> <p>Bổ sung số lượng hỗ trợ tối đa/năm đối với từng đối tượng nhãn hiệu để không chế số lượng và kinh phí hỗ trợ đối với nội dung chính sách này.</p>
2.6	<p>Điểm a, b Khoản 3 Điều 3:</p> <p>3. Hỗ trợ xác lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm chủ yếu, sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề dưới dạng nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý:</p> <p>a) Hỗ trợ 70% kinh phí để thực hiện dự án tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án;</p> <p>b) Hỗ trợ 100% kinh phí để thực hiện dự án tạo lập, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý, tối đa không quá 1,2 tỷ đồng/dự án.</p>	<p>Khoản 3 Điều 6:</p> <p>3. Hỗ trợ xác lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm chủ yếu, sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề dưới dạng nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý.</p> <p>a) Hỗ trợ 70% kinh phí để thực hiện dự án tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, tối đa 01 tỷ đồng/dự án.</p> <p>b) Hỗ trợ 100% kinh phí để thực hiện dự án tạo lập, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý, không quá 1,2 tỷ đồng/dự án.</p>	<p>Giữ nguyên nội dung và định mức hỗ trợ thực hiện theo Điểm a, b Khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 252/2020/NQ-HĐND.</p> <p>Nội dung và định mức hỗ trợ thực hiện theo Điểm c Khoản 1 và khoản 2 Điều 6 Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09/09/2021 của Bộ Tài chính; Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh và quy định triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh theo Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 12/6/2015 và Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh.</p>
2.7	<p>Khoản 1, 2, 3 Điều 4:</p> <p>4. Chính sách hỗ trợ phát triển thị trường khoa học công nghệ và doanh nghiệp khoa học công nghệ</p> <p>1. Hỗ trợ kinh phí thành lập doanh nghiệp khoa học công nghệ, tổ chức trung gian của thị trường khoa học công nghệ: 50 triệu đồng/cơ</p>	<p>Tích hợp chính sách vào khoản 1, 2, 3 Điều 7:</p> <p>1. Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp KH&CN và tổ chức trung gian của thị trường KH&CN được chứng nhận hoạt động trên địa bàn tỉnh: 50 triệu đồng/cơ sở.</p> <p>2. Hỗ trợ 50% kinh phí mua bản quyền, quyền</p>	<p>Giữ nguyên nội dung và định mức hỗ trợ thực hiện dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo Khoản 1, 2, 3 Điều 4 Nghị quyết số 252/2020/NQ-HĐND.</p> <p>- Nội dung và định mức hỗ trợ căn cứ Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày</p>









	<p>sở.</p> <p>2. Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện hợp đồng chuyển giao, mua bản quyền, quyền sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp, các kết quả nghiên cứu khoa học có giá trị cao, tối đa không quá 1 tỷ đồng cho một lần hỗ trợ.</p> <p>3. Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ, đầu tư dây chuyền máy móc, thiết bị mới và nhân rộng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật có hiệu quả, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, năng lực khoa học công nghệ của cơ sở, tối đa không quá 02 tỷ đồng cho một lần hỗ trợ.”</p>	<p>sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp, chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ ứng dụng vào sản xuất kinh doanh, tối đa 01 tỷ đồng cho một lần hỗ trợ và không quá 03 lần hỗ trợ cho mỗi cơ sở.</p> <p>3. Hỗ trợ 50% kinh phí hợp đồng chuyển giao công nghệ, đầu tư dây chuyền máy móc, thiết bị mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm của cơ sở, tối đa không quá 02 tỷ đồng cho một lần hỗ trợ và không quá 03 lần hỗ trợ cho mỗi cơ sở.”</p>	<p>01/02/2019 của Chính phủ về Doanh nghiệp KH&CN và Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Nội dung và định mức hỗ trợ căn cứ Khoản 4 Điều 22 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Khoản 4 Điều 11 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ:</p>
III	<p>Nghị quyết số 215/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn cho sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tỉnh Hà Tĩnh đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế giai đoạn 2020-2025 và những năm tiếp theo</p>		
I	<p><i>Nội dung bãi bỏ không tiếp tục thực hiện</i></p>		
1.1	<p>Điểm a khoản 1 Điều 2: Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; các hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn; các công cụ cải tiến năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; mã số, mã vạch; truy xuất nguồn gốc cho cán bộ các sở, ban, ngành, địa phương; cán bộ lãnh đạo, quản lý cơ sở sản xuất, kinh doanh và tổ chức học</p>	<p>Điều 4: Ngân sách cấp 100% kinh phí triển khai các nội dung: thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, hợp tác, học tập, chia sẻ kinh nghiệm cho các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này, tối đa 600 triệu đồng/năm</p>	<p>Tích hợp chính sách 03 Nghị quyết về triển khai các nội dung: thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, hợp tác, học tập, chia sẻ kinh nghiệm cho các đối tượng với nội dung và định mức tối đa 600 triệu đồng/năm.</p>







	tập, chia sẻ kinh nghiệm về hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong nước, tối đa không quá 350 triệu đồng/năm		
1.2	Điểm b khoản 1 Điều 2: Điều tra, thống kê lập danh mục và nhóm sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh để xác định nhu cầu áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn trên địa bàn tỉnh, tối đa không quá 100 triệu đồng/cuộc		Năm 2020 đã hoàn thành việc điều tra, thống kê.
2	<i>Giữ nguyên nội dung như Nghị quyết số 215/2020/NQ-HĐND nhưng đề nghị tăng/giảm mức hỗ trợ và chỉnh sửa một số câu từ</i>		
2.1	Điểm c khoản 1 Điều 2: Xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc thù của tỉnh, tối đa không quá 300 triệu đồng/quy chuẩn địa phương	Điểm a khoản 3 Điều 8: Hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc thù của tỉnh	Điều chỉnh lại mức hỗ trợ là 100%, vì trước khi thực hiện việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương thì phải được thẩm định dự án của Hội đồng thẩm định, ý kiến của các Bộ, ngành, đơn vị có liên quan và được UBND tỉnh phê duyệt theo quy định tại Quyết định 30/2021/QĐ-UBND ngày 01/7/2021, trong đó có mức kinh phí đối với từng dự án khác nhau. Mặt khác khi xây dựng dự án các cơ quan được giao chủ trì thực hiện đã bám sát định mức kinh phí đã được quy định rõ tại Thông tư 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 của Bộ Tài chính để lập dự toán. Nhiệm vụ xây dựng quy chuẩn địa



			phương do UBND tỉnh giao cho các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện, nên khi kinh phí đã được UBND tỉnh phê duyệt thì cần thiết phải cấp đủ 100% cho cơ quan chủ trì để triển khai đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng được giao.
2.2	Điểm d khoản 1 Điều 2: Đầu tư 100% kinh phí cho các cơ quan quản lý nhà nước mua sắm máy móc, trang thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu phân tích, thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật	Điểm a khoản 1 Điều 8: Đầu tư 100% kinh phí mua sắm máy móc, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu phân tích, thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho các cơ quan quản lý Nhà nước.	Định mức kinh phí không thay đổi, chỉ chỉnh sửa một số câu từ cho phù hợp.
2.3	Điểm đ khoản 1 Điều 2: Xây dựng, vận hành công thông tin hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa thống nhất trên địa bàn tỉnh, tối đa không quá 1,5 tỷ đồng/công thông tin hệ thống truy xuất nguồn gốc	Điểm b khoản 1 Điều 8: Xây dựng công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Hà Tĩnh, tối đa 1,5 tỷ đồng	Định mức kinh phí không thay đổi, chỉ chỉnh sửa một số câu từ cho phù hợp. Mức kinh phí đã được Sở Thông tin và truyền thông thẩm định tại văn bản số 27/BC-STTTT ngày 16/3/2021; được UBND tỉnh phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết tại Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 22/3/2021. Trong đó mức kinh phí thực hiện là 1.449.655.000 đồng. Riêng chi phí xây dựng phần mềm trong dự toán chi tiết Xây dựng công thông tin truy xuất nguồn gốc đã được Hội đồng thẩm định giá nhà nước cấp tỉnh thẩm định và có kết luận số 2399/KL-HĐTĐG ngày 20/6/2022,

			<p>với kinh phí là 1.175.391.176 (bằng với kinh phí xây dựng phần mềm trong dự toán chi tiết tại Quyết định số 1446/QĐ-UBND).</p> <p><i>(Gửi Quyết định phê duyệt đề cương, Kết luận thẩm định giá kèm theo).</i></p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;">  QĐ phê duyệt đề cương Công TT.pdf </div> <div style="text-align: center;">  Kết luận Thẩm định giá </div> </div>
2.4	<p>Điểm a khoản 2 Điều 2: Hỗ trợ cơ sở xây dựng, áp dụng và chứng nhận các hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế cho hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ: Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001); Hệ thống quản lý môi trường (ISO 14001); Hệ thống quản lý năng lượng (ISO 50001); Hệ thống quản lý an toàn thông tin (ISO 27001); Hệ thống quản lý trách nhiệm xã hội (ISO 26000); Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (ISO 45001); Hệ thống quản lý chất lượng chuyên ngành công nghiệp dầu khí (ISO 29001), sản xuất ô tô và công nghiệp phụ trợ (ISO/TS 16949), viễn thông (TL 9000), thiết bị y tế (ISO 13485)... Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (ISO 22000), HACCP, GMP; và các hệ thống quản lý mới và các hệ thống tích hợp phù hợp với đặc thù cơ sở... Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 30 triệu đồng/hệ thống cho việc xây dựng, áp dụng và chứng nhận một hệ thống quản lý chất lượng; Hỗ trợ 50 triệu</p>	<p>Điểm a khoản 2 Điều 8: Hỗ trợ tư vấn xây dựng, áp dụng và chứng nhận hệ thống quản lý phù hợp tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế: 40 triệu đồng/hệ thống/hộ kinh doanh; 50 triệu đồng/hệ thống/hợp tác xã; 60 triệu đồng/hệ thống/doanh nghiệp. Tối đa 03 hệ thống/cơ sở</p>	<p>Định mức kinh phí được nâng lên do bổ sung thêm nội dung về hỗ trợ tư vấn xây dựng để các cơ sở áp dụng các quy trình trong sản xuất, kinh doanh; hệ thống hồ sơ, tài liệu; nhà xưởng; máy móc, trang thiết bị; đào tạo kiến thức...phù hợp với các yêu cầu của hệ thống quản lý. Mặt khác qua thực tế triển khai thì đối với mỗi loại hình, quy mô sản xuất, kinh doanh thì định mức kinh phí thực hiện sẽ khác nhau do đó cần phải phân chia cụ thể đối với từng đối tượng là hộ kinh doanh hoặc hợp tác xã hoặc doanh nghiệp.</p> <p><i>(Gửi các báo giá kèm theo).</i></p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;">  Báo giá ICB.pdf </div> <div style="text-align: center;">  Báo giá CAC.pdf </div> </div>





	đồng/hệ thống tích hợp cho việc xây dựng, áp dụng và chứng nhận cùng một lúc hai hệ thống quản lý chất lượng trở lên		 Bảo giá Vietcert.pdf
2.5	<p>Điểm b khoản 2 Điều 2: Hỗ trợ cơ sở xây dựng, áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Mức hỗ trợ 30 triệu đồng/công cụ cho việc xây dựng, áp dụng một trong các công cụ cải tiến năng suất chất lượng sau: Thực hành 5S, cải tiến Kaizen, loại trừ 7 lãng phí; 7 công cụ kiểm soát chất lượng; Quản lý tinh gọn (Lean); Duy trì hiệu suất thiết bị tổng thể (TPM); Chỉ số đánh giá hoạt động chính (KPI); Hạch toán chi phí dòng nguyên liệu (MFCA); Quản lý chất lượng toàn diện (TQM); Mô hình nhóm huấn luyện (TWI); các công cụ cải tiến năng suất chất lượng phù hợp khác...</p>	<p>Điểm b khoản 2 Điều 8: Hỗ trợ tư vấn xây dựng, áp dụng và chứng nhận công cụ cải tiến năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ (Lean, Kaizen, TPM, KPI, MFCA, TQM..): 100 triệu đồng/công cụ/doanh nghiệp. Tối đa 02 công cụ/doanh nghiệp.</p>	<p>Định mức hỗ trợ được tăng từ 30 triệu đồng/công cụ lên mức 100 triệu đồng/công cụ. Vì với định mức cũ thì rất khó để các doanh nghiệp tiếp cận và thụ hưởng chính sách, qua thực tế triển khai, việc áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng chỉ phát huy hiệu quả tại các doanh nghiệp lớn và vừa, với lượng cán bộ, công nhân tương đối đông, cần phải đào tạo, tập huấn, hướng dẫn thay đổi nhận thức, thói quen trong một khoảng thời gian dài, cần tìm kiếm và cải tiến những điểm chưa phù hợp trong quá trình sản xuất, cần hợp lý hóa việc vận hành máy móc thiết bị...Để triển khai các công cụ nâng cao năng suất chất lượng tại các doanh nghiệp đảm bảo có hiệu quả thì kinh phí thực tế để hoàn thành từ 150-200 triệu đồng. Qua công tác khảo sát thì số lượng doanh nghiệp đáp ứng điều kiện để thụ hưởng chính sách trên địa bàn tỉnh không nhiều. Vì vậy cần thiết phải tăng định mức lên 100 triệu đồng/công cụ để hỗ trợ và tạo động lực cho các doanh nghiệp triển khai</p>




			<p>thực hiện. (Gửi các báo giá kèm theo).</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;">  Báo giá Viện Năng suất.pdf </div> <div style="text-align: center;">  Bao gia SCT.pdf </div> </div>
2.6	<p>Điểm c khoản 2 Điều 2: Hỗ trợ xây dựng hệ thống, sử dụng tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa và đăng ký, duy trì mã số, mã vạch: 15 triệu đồng/cơ sở</p>	<p>Điểm g khoản 3 Điều 8: Hỗ trợ xây dựng hệ thống, sử dụng tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa và đăng ký, duy trì mã số, mã vạch: 15 triệu đồng/cơ sở</p>	<p>Nội dung và định mức kinh phí giữ nguyên. (Gửi báo giá kèm theo).</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;">  Báo giá IDE.pdf </div> <div style="text-align: center;">  Báo giá ICB.pdf </div> </div> <div style="text-align: center; margin-top: 10px;">  Báo giá CAC.pdf </div>
2.7	<p>Điểm a khoản 3 Điều 2: Hỗ trợ cơ sở có sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được xây dựng, áp dụng và công bố tiêu chuẩn cơ sở (đối với sản phẩm chưa có tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn của nước xuất khẩu): 10 triệu đồng/sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Tối đa không quá 05 sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ/cơ sở</p>	<p>Điểm b khoản 3 Điều 8: Hỗ trợ cơ sở thử nghiệm mẫu, tư vấn xây dựng, áp dụng và công bố tiêu chuẩn cơ sở: 15 triệu đồng/sản phẩm, hàng hóa. Tối đa 05 sản phẩm, hàng hóa/cơ sở.</p>	<p>Định mức kinh phí được nâng lên từ 10 triệu lên 15 triệu do bổ sung thêm nội dung hỗ trợ kinh phí thử nghiệm mẫu và kinh phí thực hiện việc tư vấn xây dựng tiêu chuẩn cơ sở. (Gửi các báo giá kèm theo).</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;">  Báo giá ICB.pdf </div> <div style="text-align: center;">  Báo giá CAC.pdf </div> </div> <div style="text-align: center; margin-top: 10px;">  Báo giá Vietcert.pdf </div>
2.8	<p>Điểm b khoản 3 Điều 2: Hỗ trợ cơ sở có sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được chứng nhận và</p>	<p>Điểm c khoản 3 Điều 8: Hỗ trợ cơ sở thử nghiệm mẫu, chứng nhận và công bố sản phẩm,</p>	<p>Định mức kinh phí được nâng lên từ 15 triệu lên 20 triệu do bổ sung thêm</p>

	<p>công bố phù hợp tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn của nước xuất khẩu: 15 triệu đồng/sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Tối đa không quá 05 sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ/cơ sở</p>	<p>hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn của nước xuất khẩu: 20 triệu đồng/sản phẩm, hàng hóa. Tối đa 05 sản phẩm, hàng hóa/cơ sở.</p>	<p>nội dung hỗ trợ kinh phí thử nghiệm mẫu. (Gửi các báo giá kèm theo).</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;">  Báo giá ICB.pdf </div> <div style="text-align: center;">  Báo giá CAC.pdf </div> </div> <div style="text-align: center; margin-top: 20px;">  Báo giá Vietcert.pdf </div>
2.9	<p>Điểm c khoản 3 Điều 2: Hỗ trợ cơ sở có sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận và công bố phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương: 20 triệu đồng/sản phẩm, dịch vụ. Tối đa không quá 05 sản phẩm, dịch vụ/cơ sở</p>	<p>Điểm d khoản 3 Điều 8: Hỗ trợ cơ sở có sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương: 20 triệu đồng/sản phẩm, dịch vụ. Tối đa 05 sản phẩm, dịch vụ/cơ sở</p>	<p>Định mức kinh phí được nâng lên từ 20 triệu lên 25 triệu do bổ sung nội dung hỗ trợ kinh phí thử nghiệm mẫu. (Gửi các báo giá kèm theo).</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;">  Báo giá ICB.pdf </div> <div style="text-align: center;">  Báo giá CAC.pdf </div> </div> <div style="text-align: center; margin-top: 20px;">  Báo giá Vietcert.pdf </div>
2.10	<p>Điểm d khoản 3 Điều 2: Hỗ trợ cơ sở được chứng nhận áp dụng tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P): 15 triệu đồng/cơ sở</p>	<p>Điểm đ khoản 3 Điều 8: Hỗ trợ cơ sở thử nghiệm mẫu, tư vấn, đào tạo, chứng nhận áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P) chăn nuôi:</p> <p>Đối với gia súc: 80 triệu đồng/cơ sở có sản lượng < 500 con; 90 triệu đồng/cơ sở có sản lượng từ 500 đến 1.000 con; 100 triệu đồng/cơ sở có sản lượng > 1.000 con.</p> <p>Đối với gia cầm: 80 triệu đồng/cơ sở có sản lượng < 10.000 con; 90 triệu đồng/cơ sở có sản</p>	<p>Đối với hỗ trợ Vietgap trồng trọt đã được quy định hỗ trợ tại Nghị quyết 51/2021/NQ-HĐND. Nên Nghị quyết này chỉ thực hiện hỗ trợ đối với Vietgap chăn nuôi và thủy sản. Định mức kinh phí cũng được nâng lên vì Nghị quyết cũ mới hỗ trợ hoạt động chứng nhận mà chưa hỗ trợ đối với hoạt động thử nghiệm, tư vấn. Mặt khác trên thực tế triển khai đối với</p>

		<p>lượng từ 10.000 đến 20.000 con; 100 triệu đồng/cơ sở có sản lượng > 20.000 con.</p> <p>Đối với Ong: 80 triệu đồng/cơ sở có sản lượng < 300 thùng; 90 triệu đồng/cơ sở có sản lượng từ 300 đến 600 thùng; 100 triệu đồng/cơ sở có sản lượng > 600 thùng.</p> <p>- Điểm e khoản 3 Điều 8: Hỗ trợ cơ sở thử nghiệm mẫu, tư vấn, đào tạo, chứng nhận áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P) thủy sản: 80 triệu đồng/cơ sở có diện tích nuôi < 5ha; 90 triệu đồng/cơ sở có diện tích nuôi từ 05ha - 10ha; 100 triệu đồng/cơ sở có diện tích nuôi > 10ha.</p>	<p>từng sản lượng, diện tích càng lớn thì mức kinh phí thực hiện càng cao, do đó cần thiết phải phân chia cụ thể đối với từng sản lượng, diện tích cụ thể.</p> <p>(Gửi các báo giá kèm theo).</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;">  Báo giá WCERT.pdf </div> <div style="text-align: center;">  Báo giá SCT.pdf </div> </div>
2.11	Điểm a khoản 4 Điều 2: Hỗ trợ cơ sở đạt giải thưởng chất lượng Quốc gia: 20 triệu đồng/cơ sở	Điểm a khoản 4 Điều 8: Hỗ trợ cơ sở đạt giải thưởng chất lượng Quốc gia: 20 triệu đồng/cơ sở	<p>Nội dung và định mức kinh phí giữ nguyên.</p> <p>Số lượng doanh nghiệp hàng năm được lựa chọn tham gia và đạt giải không nhiều (từ 2-3 doanh nghiệp), nên đưa ra mức hỗ trợ kinh phí này nhằm khuyến khích, động viên, khen thưởng đối với các doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ 07 tiêu chí của giải thưởng, được đánh giá bởi Hội đồng sơ tuyển cấp tỉnh và Hội đồng Quốc gia; được nhận cúp Giải thưởng, giấy chứng nhận của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>
2.12	Điểm b khoản 4 Điều 2: Hỗ trợ cơ sở đạt giải vàng chất lượng Quốc gia: 30 triệu đồng/cơ sở.	Điểm b khoản 4 Điều 8: Hỗ trợ cơ sở đạt giải vàng chất lượng Quốc gia: 30 triệu đồng/cơ sở.	
2.13	Điểm c khoản 4 Điều 2: Hỗ trợ cơ sở đạt giải thưởng chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương: 40 triệu đồng/cơ sở	Điểm c khoản 4 Điều 8: Hỗ trợ cơ sở đạt giải thưởng chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương: 40 triệu đồng/cơ sở	
2.14	Điểm a khoản 5 Điều 2: Hỗ trợ 200 triệu đồng chi phí thành lập mới đối với tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện hoạt động chứng nhận sự	Điểm a khoản 5 Điều 8: Hỗ trợ chi phí thành lập mới đối với doanh nghiệp thực hiện hoạt động chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ	<p>Định mức kinh phí giữ nguyên, chỉ chỉnh sửa một số câu từ cho phù hợp.</p> <p>Hiện nay trên địa bàn tỉnh chưa có</p>



	<p>phù hợp đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đáp ứng điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh</p>	<p>phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đáp ứng điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định 107/2016/NĐ-CP và Nghị định 154/2018/NĐ-CP: 200 triệu đồng/doanh nghiệp.</p>	<p>doanh nghiệp đủ năng lực thực hiện hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý, vì vậy cần có chính sách hỗ trợ để tạo động lực thành lập mới đối với các doanh nghiệp này nhằm phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu của các cơ sở sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp này thực hiện hoạt động kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Nghị định 107/2016/NĐ-CP và Nghị định 154/2018/NĐ-CP, trong đó cần hỗ trợ bao gồm các chi phí như: thành lập doanh nghiệp; xây dựng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065:2013, ISO/IEC 17021-1:2015; đào tạo ít nhất 04 chuyên gia được cấp chứng chỉ; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị...</p>
2.15	<p>Điểm b khoản 5 Điều 2: Hỗ trợ 30 triệu đồng cho việc duy trì, chứng nhận hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2007 cho các phòng thử nghiệm</p>	<p>Điểm c khoản 5 Điều 8: Hỗ trợ 70 triệu đồng cho việc xây dựng và công nhận hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 cho các phòng thử nghiệm</p>	<p>Tăng định mức từ 30 triệu đồng lên 70 triệu đồng và chỉnh sửa một số câu từ. Vì Nghị quyết 215/2020/NQ-HĐND hỗ trợ đối với việc duy trì, chứng nhận mà chưa hỗ trợ đối với hoạt động tư vấn áp dụng tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017, vì vậy cần bổ sung thêm kinh phí tư vấn xây dựng để các phòng thử nghiệm đáp ứng theo các yêu cầu của bộ tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. (Kinh phí tư vấn xây</p>

			<p>dựng và công nhận phòng thử nghiệm cho 01 lĩnh vực, dưới 15 chỉ tiêu từ 150-200 triệu đồng).</p> <p>(Gửi các báo giá kèm theo).</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;">  Baogia17025KIS.pdf </div> <div style="text-align: center;">  Tư vấn ISO 17025 SITAS.pdf </div> </div> <div style="text-align: center; margin-top: 10px;">  Công nhận ISO 17025, 15189 - VACL.p </div>
3	Nội dung thêm mới so với Nghị quyết số 215/2020/NQ-HĐND nhưng cùng lĩnh vực		
3.1		Điểm c khoản 1 Điều 8: Duy trì vận hành, nâng cấp công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Hà Tĩnh, tối đa không quá 150 triệu đồng/năm.	<p>Để vận hành công thông tin sau khi hoàn thành việc xây dựng thì các năm tiếp theo cần có nguồn kinh phí để thực hiện việc duy trì, nâng cấp công, trong đó bao gồm các chi phí như: thuê máy chủ, cập nhật cơ sở dữ liệu, đào tạo, hướng dẫn, nâng cấp...</p> <p>(Gửi báo giá kèm theo)</p> <div style="text-align: center; margin-top: 10px;">  Báo giá duy trì IDE.pdf </div>
3.2		Điểm d khoản 5 Điều 8: Hỗ trợ tư vấn xây dựng và công nhận hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn ISO 15189:2012 cho các phòng xét nghiệm: 100 triệu đồng/phòng xét nghiệm.	<p>Bổ sung thêm nội dung này để hỗ trợ các phòng xét nghiệm trên địa bàn nhằm nâng cao năng lực kỹ thuật, tính chính xác, độ tin cậy của kết quả xét nghiệm trong chẩn đoán và điều trị tại các bệnh viện, cơ sở y tế. Mức kinh</p>

			<p>phí thực hiện tư vấn, công nhận 01 phòng xét nghiệm cho 01 lĩnh vực, dưới 10 chỉ tiêu từ 200-250 triệu đồng. (Gửi các báo giá kèm theo).</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;">  Báo giá ISO 15189 KIS.pdf </div> <div style="text-align: center;">  Tư vấn ISO 15189 SITAS.pdf </div> </div> <div style="text-align: center; margin-top: 10px;">  Công nhận ISO 17025, 15189 - VACL.p </div>
IV	Nội dung thêm mới ngoài 03 Nghị quyết trên	Điều 9. Chính sách hỗ trợ tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường	<p>Bổ sung thêm chính sách hỗ trợ tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường. Vì hiện nay Chính phủ đã ban hành Đề án 996 về “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, trong đó quy định UBND tỉnh có trách nhiệm “Căn cứ nhu cầu phát triển hoạt động đo lường tại địa phương, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án trên địa bàn theo quy định của pháp luật”, tuy nhiên hiện nay chưa có chương trình, chính sách để thực hiện hoạt động đo lường trên địa bàn tỉnh. Vì vậy việc bổ</p>

			sung chính sách về hoạt động đo lường trong Nghị quyết này là thực sự cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập quốc tế.
4.1	Không quy định.	Khoản 1 Điều 9: Đầu tư 100% kinh phí mua sắm phương tiện vận tải, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật chuyên dùng để thực hiện kiểm tra đặc thù về đo lường cho các cơ quan quản lý Nhà nước	Điểm c khoản 2 Điều 56 Luật Đo lường quy định trách nhiệm UBND cấp tỉnh “Xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật và đầu tư trang thiết bị cho công tác quản lý đo lường”. Khoản 4 Điều 15 Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường quy định: “Kinh phí trang bị phương tiện vận tải, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật chuyên dùng để thực hiện kiểm tra đặc thù được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, ngân sách của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm bố trí kinh phí trang bị phương tiện vận tải, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật chuyên dùng để thực hiện kiểm tra đặc thù trong dự toán chi ngân sách nhà nước”
4.2	Không quy định.	Khoản 2 Điều 9: Hỗ trợ 100% kinh phí xây	Giá thị trường hiện nay để xây dựng

		<p>dụng điểm cân đối chứng tại các chợ, trung tâm thương mại. Tối đa không quá 05 triệu đồng/điểm cân đối chứng.</p>	<p>01 điểm cân đối chứng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 cân đồng hồ lò xo mức cân lớn nhất 5 kg có phân độ 20 gam (giá trị độ chia nhỏ nhất): 280.000 đồng - 01 cân đồng hồ lò xo mức cân lớn nhất 20 kg có phân độ 50 gam (giá trị độ chia nhỏ nhất): 350.000 đồng - Các quả cân chuẩn cấp chính xác M1 có khối lượng 01 kg; 02 kg và 10 kg mỗi loại 01 quả: 1.130.000 đồng - Bàn, tủ đựng, biển bảng...: 3.000.000 đồng <p>Tổng mức kinh phí gần 05 triệu đồng, nên đưa định mức là không quá 05 triệu đồng/điểm cân đối chứng.</p>
4.3	Không quy định.	<p>Khoản 3 Điều 9: Hỗ trợ xây dựng các biện pháp kiểm soát về đo lường và công bố sử dụng dấu định lượng đối với cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường: 10 triệu đồng/cơ sở.</p>	<p>Để đáp ứng điều kiện sử dụng dấu định lượng cơ sở phải đáp ứng các yêu cầu và kinh phí để thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm phương tiện đo, tạo điều kiện môi trường và các điều kiện khác theo yêu cầu: 10.000.000 đồng. - Kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo: 2.000.000 đồng. - Đào tạo nhân viên kỹ thuật đáp ứng yêu cầu về kiểm soát đo lường: 2.000.000 đồng.

			<p>- Xây dựng và thực hiện các biện pháp kiểm soát đo lường: 3.000.000 đồng.</p> <p>Tổng kinh phí thực hiện: 17.000.000 đồng nên đề xuất mức hỗ trợ là 10.000.000/cơ sở.</p>
4.4	Không quy định.	<p>Khoản 4 Điều 9: Hỗ trợ 70% kinh phí cho hoạt động tư vấn để triển khai thực hiện Chương trình đảm bảo đo lường tại các doanh nghiệp theo Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Tối đa không quá 60 triệu đồng/doanh nghiệp.</p>	<p>Kinh phí này để doanh nghiệp thuê đơn vị tư vấn thực hiện xây dựng các quy trình nhằm kiểm soát đo lường và hướng dẫn, giám sát thực hiện các quy trình này. Đối với mỗi loại hình, quy mô doanh nghiệp thì mức kinh phí tư vấn thực hiện cũng khác nhau, nên đề xuất mức hỗ trợ là 70% kinh phí tư vấn và tối đa không quá 60 triệu đồng/doanh nghiệp.</p> <p>Mức kinh phí tư vấn cho từng doanh nghiệp lập theo định mức tại TT số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ LĐTB&XH.</p> <p><i>(Gửi dự toán kinh phí thực hiện tư vấn tại một số doanh nghiệp kèm theo).</i></p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;">  Dự toán Công ty Xăng dầu.xlsx </div> <div style="text-align: center;">  Dự toán Công ty FHS.xlsx </div> </div>